

Luật Thương mại Quốc tế (01-04-2022) - hubt

1. Luật thương mại quốc tế được hiểu là gì?

- * C.Là một ngành luật hỗn hợp bao gồm Luật Thương mại quốc tế công và Luật Thương mại quốc tế tư và Luật Thương mại quốc tế công-tư hỗn hợp.
- B.Là một ngành luật hỗn hợp bao gồm Luật Thương mại công, Luật Thương mại của Tổ chức Thương mại Quốc tế và Luật Thương mại nội địa.
- A.Là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt nam bao gồm Luật Thương mại có yếu tố nước ngoài và Luật Thương mại dành riêng cho Việt Nam.
- D.Là một ngành luật tổng hợp các quy phạm pháp luật của Luật Thương mại quốc tế công và Luật Thương mại quốc tế tư.

2. Luật Thương mại quốc tế công được hiểu là gì?

- * D.Là bộ phận quan trọng của Công pháp quốc tế bao gồm tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế, thương mại giữa các quốc gia, chính phủ và các chủ thể khác của Công pháp quốc tế.
- C.Là bộ phận của Công pháp quốc tế bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ chính trị, thương mại giữa các chính phủ, tổ chức quốc tế và các chủ thể khác.
- B.Là bộ phận quan trọng của Công pháp quốc gia bao gồm tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ chính trị, văn hóa, thương mại giữa các quốc gia, chính phủ và các doanh nghiệp các nước khác nhau.
- A.Là bộ phận quan trọng của Công pháp quốc tế bao gồm các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế, chính trị, thương mại giữa các nhà nước, chính phủ và các doanh nghiệp có quốc tịch khác nhau.

3. Luật thương mại quốc tế tư được hiểu là gì?

- B.Là tổng thể các quy phạm pháp luật, thông lệ, tập quán quốc tế điều chỉnh các quan hệ kinh tế, thương mại giữa các thương nhân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân của các nước khác nhau.
- D.Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ thương mại, văn hóa giao lưu dân sự giữa các doanh nghiệp, tổ chức có quốc tịch các nước, vùng lãnh thổ khác nhau.
- C.Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế, chính trị và các quan hệ khác giữa các thương nhân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân của các nước khác nhau.
- * A.Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế, thương mại giữa các thương nhân, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có quốc tịch khác nhau.

4. Luật thương mại quốc tế công-tư hỗn hợp được hiểu là gì?

- C. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế, chính trị và các quan hệ quốc tế khác giữa các thương nhân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân của các nước khác nhau.
- * B. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế, thương mại giữa các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công và các chủ thể của Luật thương mại quốc tế.
- A. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế, thương mại giữa các thương nhân, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có quốc tịch khác nhau.
- D. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ thương mại, văn hóa, giao lưu dân sự giữa các doanh nghiệp, tổ chức có quốc tịch các nước, vùng lãnh thổ khác nhau.

5. Luật thương mại quốc tế công có các nguyên tắc cơ bản nào ?

- A. Có các nguyên tắc chung của Công pháp quốc tế và các nguyên tắc chuyên biệt sau: tự do hóa thương mại; có thể phòng ngừa được các rủi ro đối với hoạt động thương mại nhờ quy định pháp luật; thúc đẩy cạnh tranh có điều kiện; khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình.
- C. Có các nguyên tắc chung của Công pháp quốc tế và các nguyên tắc chuyên biệt sau: phân biệt đối xử đối với những nước ngoài khối; tự do hóa thương mại; có thể dự báo được các rủi ro đối với hoạt động thương mại; thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng; khuyến khích tự do kinh tế.
- B. Có các nguyên tắc chung của Công pháp quốc tế và các nguyên tắc chuyên biệt sau: đối xử ưu đãi các nước đang phát triển; bảo hộ thương mại trong nước; có thể dự báo được các rủi ro đối với hoạt động thương mại; thúc đẩy tự do cạnh tranh; khuyến khích tư nhân phát triển.
- * D. Có các nguyên tắc chung của Công pháp quốc tế và các nguyên tắc chuyên biệt sau: không phân biệt đối xử; tự do hóa thương mại từng bước; có thể dự báo được các rủi ro đối với hoạt động thương mại; thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng; khuyến khích phát triển và cải cách kinh tế.

6. Nội dung cơ bản của nguyên tắc thương mại không phân biệt đối xử được thể hiện qua các quy chế nào?

- B. Thể hiện qua Quy chế Thương mại đặc biệt và khác biệt và Quy chế ưu tiên đối với các nước đang phát triển
- * A. Thể hiện qua Quy chế Tối huệ quốc và Quy chế Đãi ngộ quốc gia trong thương mại quốc tế.
- C. Thể hiện qua Quy chế hạn ngạch và Quy chế Đãi ngộ tối huệ quốc
- D. Thể hiện qua Quy chế chủ quyền bình đẳng của các quốc gia và Quy chế Đãi ngộ tối huệ quốc.

7. Theo Luật Thương mại quốc tế, quy chế Tối huệ quốc được hiểu tổng quát là gì?

- B. Là quy chế yêu cầu quốc gia đặt ra các điều kiện đối xử giống nhau giữa các nước trong khối thương mại và ngoài khối thương mại.
- A. Là quy chế cho phép một quốc gia được đặt ra các chế độ, quy tắc, điều kiện khác nhau phù hợp với đối tác thương mại của mình.
- * D. Là quy chế yêu cầu các quốc gia không được đặt ra các điều kiện khác biệt trong đối xử giữa các đối tác thương mại quốc tế của mình.

- C. Là quy chế cho phép các quốc gia được đặt ra các điều kiện thuế, phí, thủ tục hành chính khác nhau đối với đối tác thương mại khác nhau.

8. Theo Luật Thương mại quốc tế, quy chế Đãi ngộ quốc gia được hiểu tổng quát là gì?

- C. Là quy chế cho phép các quốc gia được đặt ra các điều kiện thuế, phí, thủ tục hành chính khác nhau đối với đối tác thương mại trong và ngoài nước.
- A. Là quy chế cho phép một quốc gia được đặt ra các chế độ, quy tắc, điều kiện khác nhau phù hợp với đối tác thương mại quốc tế của mình.
- B. Là quy chế yêu cầu quốc gia đặt ra các điều kiện đối xử giống nhau giữa các nước trong khối thương mại và ngoài khối thương mại.
- * D. Là quy chế yêu cầu quốc gia không được đặt ra các điều kiện phân biệt trong đối xử giữa đối tác thương mại quốc tế với đối tác thương mại trong nước.

9. Cơ chế Bán tư pháp trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế được hiểu là gì?

- D. Là cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế mà trong đó có sự kết hợp giữa quy tắc tố tụng theo trọng tài và tổ chức bộ máy quyết tranh chấp theo nguyên tắc hành chính
- * B. Là cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế mà trong đó có sự kết hợp giữa quy tắc tố tụng theo tư pháp và tổ chức bộ máy quyết tranh chấp theo nguyên tắc hành chính
- C. Là cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế mà trong đó có sự kết hợp giữa quy tắc tố tụng theo hợp đồng và tổ chức bộ máy quyết tranh chấp theo nguyên tắc tự do thỏa thuận
- A. Là cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế mà trong đó có sự kết hợp giữa quy tắc tố tụng theo tư pháp và tổ chức bộ máy quyết tranh chấp theo nguyên tắc hợp đồng

10. Luật thương mại quốc tế tư có các nguyên tắc cơ bản nào ?

- B. Có các nguyên tắc chung của Tư pháp quốc tế và các nguyên tắc chuyên biệt sau: bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; mở rộng giao lưu với tất cả các nước; cùng có lợi trong quan hệ thương mại quốc tế tư.
- * D. Có các nguyên tắc chung của Tư pháp quốc tế và các nguyên tắc chuyên biệt sau: bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia; hợp tác hữu nghị; có đi có lại; cùng có lợi; thừa nhận các quy tắc chơi trong thương mại quốc tế.
- A. Có các nguyên tắc chung của Tư pháp quốc tế và các nguyên tắc chuyên biệt sau: tự do thương mại; có thể phòng ngừa được các rủi ro; thúc đẩy cạnh tranh có điều kiện; khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình.
- C. Nguyên tắc đoàn kết dân tộc, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia Việt nam; nguyên tắc hợp tác hữu nghị, mở rộng giao lưu với tất cả các nước; nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ thương mại quốc tế tư....

11. Luật thương mại quốc tế có các loại Nguồn pháp luật cơ bản nào ?

- A. Có các nguồn của Luật thương mại quốc tế công như điều ước quốc tế; tập quán quốc tế; các án lệ thương mại quốc tế.
- * B. Có các nguồn của Luật thương mại quốc tế công và các nguồn của Luật thương mại quốc tế tư.

- C. Có các nguồn của Luật thương mại quốc tế tư như các Bộ luật dân sự, thương mại các quốc gia; tập quán thương mại quốc gia; các án lệ thương mại trong nước.
- D. Có các nguồn của Luật thương mại quốc tế tư như thói quen quốc tế; tập quán quốc tế; các án lệ thương mại quốc tế.

12. Điều ước quốc tế về thương mại quốc tế được hiểu là gì ?

- A. Là văn bản ghi nhận sự thỏa thuận rõ ràng giữa các chủ thể của Luật thương mại quốc tế về các nghĩa vụ cụ thể của các chủ thể đó trong một hoặc một số lĩnh vực của thương mại quốc tế.
- C. Là sự thỏa thuận rõ ràng giữa các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công về các quyền và nghĩa vụ cụ thể của các chủ thể đó trong một lĩnh vực hoạt động thương mại quốc tế cụ thể.
- B. Là sự thỏa thuận rõ ràng giữa các chủ thể của Luật thương mại quốc tế tư về các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đó trong một, một số lĩnh vực hoạt động thương mại quốc tế cụ thể.
- * D. Là văn bản ghi nhận sự thỏa thuận rõ ràng giữa các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công về các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đó trong lĩnh vực kinh tế, thương mại quốc tế.

13. Tập quán thương mại quốc tế được hiểu là gì ?

- C. Là tập quán được sử dụng qua nhiều thời gian dài khác nhau trong thương mại quốc tế và được các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công nhận là mô hình xử sự tốt trong hoạt động thương mại quốc tế của mình.
- * A. Là tập quán được sử dụng nhiều lần qua nhiều thời gian dài khác nhau trong thương mại quốc tế và được các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công nhận là bắt buộc phải tuân theo trong hoạt động thương mại quốc tế của mình.
- D. Là tập tục thường được sử dụng trong thương mại quốc tế và được các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công nhận là mô hình xử sự tốt trong hoạt động thương mại quốc tế của mình.
- B. Là tập tục được sử dụng nhiều lần trong thương mại quốc tế và được các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công nhận là mô hình xử sự tốt trong hoạt động thương mại quốc tế của mình.

14. Án lệ thương mại quốc tế được hiểu là gì ?

- B. Là các thỏa thuận về các vụ tranh chấp thương mại quốc tế được các bên tranh chấp và các cơ quan tài phán thương mại quốc tế thống nhất sử dụng để giải quyết các vụ việc tranh chấp tương tự phát sinh sau đó.
- * D. Là Án lệ quốc tế về các vụ tranh chấp thương mại quốc tế điển hình được các bên tranh chấp và các cơ quan tài phán thương mại quốc tế lấy làm khuôn mẫu để giải quyết các vụ việc tranh chấp tương tự phát sinh sau đó.
- A. Là các quyết định về các vụ tranh chấp thương mại quốc tế được các cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO lấy làm khuôn mẫu để giải quyết các vụ việc tranh chấp tương tự phát sinh sau đó.
- C. Là Án lệ quốc tế về các vụ tranh chấp thương mại quốc tế điển hình được Liên Hợp quốc và các cơ quan tài phán thương mại quốc tế lấy làm chứng cứ pháp luật để giải quyết các vụ việc tranh chấp tương tự phát sinh sau đó.

15. Luật thương mại quốc tế có các Chủ thể cơ bản nào ?

- C Các chủ thể của Luật thương mại quốc tế tư, bao gồm: tổ chức quốc tế phi chính phủ, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân.
- B. Các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công, bao gồm: Quốc gia, tổ chức quốc tế liên quốc gia, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cá nhân.
- * A.Các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công, các chủ thể của Luật thương mại quốc tế tư, các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công-tư hỗn hợp.
- D. Các chủ thể của Luật thương mại quốc tế công-tư hỗn hợp, gồm: Quốc gia, chính phủ, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân.

16. Luật thương mại quốc tế điều chỉnh những quan hệ quốc tế nào ?

- C. Quan hệ thương mại phát sinh từ sản giao dịch chứng khoán quốc tế, Quan hệ thương mại dịch vụ quốc tế, Quan hệ mua sắm công và Quan hệ đầu tư quốc tế.
- A. Quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế, Quan hệ thương mại dịch vụ quốc tế, Quan hệ thương mại quốc tế liên quan mua bán tài sản trí tuệ và Quan hệ thương mại liên quan đến đầu giá quốc tế.
- D. Quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế, Quan hệ thương mại dịch vụ quốc tế, Quan hệ thương mại quốc tế liên quan đến đầu thầu quốc tế.
- * B. Quan hệ thương mại hàng hóa quốc tế, Quan hệ thương mại dịch vụ quốc tế, Quan hệ thương mại quốc tế liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và Quan hệ đầu tư quốc tế.

17. Theo Luật Thương mại quốc tế, Hàng hóa được hiểu là gì ?

- B.Là sản phẩm được liệt kê, được mô tả, được mã hóa trong danh mục hàng hóa của các nước khác nhau.
- A.Là sản phẩm được mua bán trên thị trường quốc tế theo các quy tắc của các nước liên quan.
- D. Là hàng hóa được mua bán trên thị trường quốc tế theo quy định của Liên Hợp quốc.
- * C. Là sản phẩm được liệt kê, được mô tả, được mã hóa trong danh mục HS của Công ước HS.

18. Danh mục HS thường được sử dụng trong thương mại quốc tế được hiểu là gì ?

- * B.Là Danh mục đính kèm Công ước về hệ thống hài hòa về mã số và mô tả hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới.
- A.Là Danh mục đính kèm Công ước về hệ thống hài hòa về mã số và mô tả hàng hóa của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
- C.Là Danh mục đính kèm Thỏa thuận về hệ thống mã vạch và mã số hàng hóa của Tổ chức mã vạch mã số vật phẩm quốc tế.
- D.Là Danh mục đính kèm Thỏa thuận về hệ thống hài hòa về mã số của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

19. Theo Luật Thương mại quốc tế, Hàng hóa tương tự được hiểu là gì ?

- C. Là hàng hoá có tất cả các đặc tính cơ bản giống với hàng hóa được so sánh và có thể thay thế cho hàng hoá được so sánh đó.

- A. Là hàng hoá có tất cả các đặc tính, công dụng cơ bản giống với hàng hóa được so sánh hoặc có thể thay thế cho hàng hoá được so sánh đó.
- * D. Là hàng hoá có tất cả hoặc có nhiều đặc tính, công dụng cơ bản giống với hàng hóa được so sánh và có thể thay thế cho hàng hoá được so sánh đó.
- B. Là hàng hoá có nhiều công dụng cơ bản giống với hàng hóa được so sánh và có thể thay thế cho hàng hoá được so sánh đó.

20. Theo Luật Thương mại quốc tế, Thuế quan được hiểu là gì ?

- * D. Là khoản thu của Nhà nước đánh vào hàng hóa di chuyển từ Lãnh thổ hải quan này sang Lãnh thổ hải quan khác nhằm tăng thu ngân sách và bảo hộ hàng hóa trong nước nhập khẩu.
- C. Là khoản thu của Nhà nước đánh vào hàng hóa đã được nhập khẩu vào nước này nhằm tạo ra một quỹ hỗ trợ, khuyến khích các nhà sản xuất trong nước xuất khẩu mạnh hơn ra nước ngoài.
- A. Là khoản thuế của Nhà nước đánh vào hàng hóa nước ngoài được nhập khẩu vào một mình để tăng thu ngân sách và bảo hộ hàng hóa sản xuất tại nước nhập khẩu.
- C. Là khoản thuế và lệ phí của Nhà nước đánh vào hàng hóa được xuất khẩu từ Lãnh thổ nước này đến Lãnh thổ của một nước khác nhằm tạo ra quỹ hỗ trợ cho các nhà sản xuất trong nước.

21. Theo Luật Thương mại quốc tế, Dòng thuế quan được hiểu là gì ?

- * A. Là dòng HS mà trên đó có ghi rõ mức thuế suất thuế quan cụ thể áp dụng trong thương mại hàng hóa quốc tế.
- B. Là dòng HS mà trên đó có mô tả cụ thể loại hàng hóa quốc tế cần áp dụng các khoản thuế hoặc lệ phí khi xuất nhập khẩu.
- D. Là dòng HS mà trong đó có ghi chú rõ ràng cách thức thu thuế xuất nhập khẩu cần áp dụng trong thương mại hàng hóa quốc tế.
- C. Là dòng HS mà trong đó có ghi rõ cách thức thu lệ phí hải quan cần áp dụng trong thương mại hàng hóa quốc tế.

22. Những vấn đề gì liên quan trực tiếp đến thuế quan cần có khi đàm phán mở cửa thị trường hàng hóa quốc gia cho quốc tế ?

- C. Danh sách các loại thuế và phí, mức thuế trần, lộ trình cắt giảm hoặc tăng thuế quan, phương pháp xác định trị giá để tính thuế.
- A. Danh mục thuế quan, mức thuế sàn, lộ trình tăng thuế quan, phương pháp xác định trị giá để tính thuế.
- * B. Danh mục thuế quan, mức thuế trần, lộ trình cắt giảm thuế quan, phương pháp xác định trị giá hải quan.
- D. Danh sách các loại thuế quan, phương pháp áp dụng hạn ngạch thuế quan, phương pháp xác định trị giá hải quan.

23. Theo Luật Thương mại quốc tế, Danh mục thuế quan quốc gia được quy định như thế nào ?

- D. Mỗi nước có Danh mục thuế quan riêng được xây dựng phù hợp với tình hình thương mại nước đó và được công bố cho các tổ chức, cá nhân trong và nước ngoài biết để thực hiện.

- B. Mỗi nước có Danh mục thuế quan riêng được xây dựng theo cách nhìn nhận vấn đề của nước đó và công bố rộng rãi cho các chính phủ, tổ chức, cá nhân trong và nước ngoài biết để thực hiện.
- * C. Mỗi nước có Danh mục thuế quan riêng được cụ thể hóa từ Danh mục thuế quan cam kết quốc tế phù hợp với tình hình thương mại nước đó và công bố rộng rãi cho các chính phủ, tổ chức, cá nhân trong và nước ngoài biết để thực hiện.
- A. Mỗi nước có Danh mục thuế quan riêng được cụ thể hóa từ Danh mục thuế quan cam kết quốc tế phù hợp với tình hình thương mại nước đó và được bảo quản cẩn mật để sử dụng trong thương mại quốc tế.

24. Có những loại thuế quan nào thường được sử dụng phổ biến trong thương mại hàng hóa quốc tế ?

- B. Có ba loại thuế quan: Thuế quan theo giá trị hàng hóa; Thuế quan theo cam kết quốc tế; thuế quan theo quan hệ cụ thể trong thương mại quốc tế.
- * D. Có ba loại thuế quan: Thuế quan theo giá trị hàng hóa; Thuế quan tuyệt đối; Thuế quan hỗn hợp.
- A. Có ba loại thuế quan: Thuế quan theo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Thuế quan theo quyết định của cơ quan thuế cho từng trường hợp cụ thể; Thuế quan đặc biệt.
- C. Có ba loại thuế quan: Thuế quan theo từng lô hàng hóa; Thuế quan theo giá trị hàng hóa; Thuế quan riêng biệt.

25. Theo Luật Thương mại quốc tế, Hạn ngạch thuế quan được hiểu là gì ?

- B. Là loại rào cản đặc biệt trong thương mại quốc tế vừa dùng thuế quan thấp nhất cho phần hàng hóa trong hạn ngạch nhập khẩu đã được xác định trước, vừa dùng thuế quan cao nhất cho phần hàng hóa nhập khẩu không có hạn ngạch nêu trên.
- D. Là loại rào cản đặc biệt trong thương mại quốc tế dùng thuế quan áp dụng cho hàng hóa trong hạn ngạch nhập khẩu, hoặc có thể dùng thuế quan đó áp dụng cho hàng hóa cùng loại nằm ngoài hạn ngạch nhập khẩu nêu trên.
- C. Là loại rào cản đặc biệt trong thương mại quốc tế dùng thuế quan cam kết hoặc thuế nhập khẩu đặc biệt áp dụng cho hàng hóa có hạn ngạch nhập khẩu đã được xác định trước.
- * A. Là loại rào cản đặc biệt trong thương mại quốc tế vừa dùng thuế quan cam kết cho phần hàng hóa trong hạn ngạch nhập khẩu đã được xác định trước, vừa dùng thuế quan cao hơn cho phần hàng hóa cùng loại nhưng nằm ngoài hạn ngạch nhập khẩu nêu trên.

26. Theo Luật Thương mại quốc tế, các Rào cản phi thuế quan được hiểu là gì ?

- C. Là loại rào cản trong thương mại hàng hóa quốc tế do các nước tự đặt ra để hạn chế nhập khẩu hàng hóa.
- * B. Là loại rào cản trong thương mại hàng hóa quốc tế nhưng không phải là thuế quan.
- A. Là loại rào cản trong thương mại hàng hóa quốc tế như giấy phép nhập khẩu, quy tắc xuất xứ, các TRIMS...
- D. Là loại rào cản trong thương mại hàng hóa quốc tế gồm các thủ tục nhập khẩu hàng hóa, các quy định về quy tắc xuất xứ...

27. Có các rào cản phi thuế quan nào thường được áp dụng trong thương mại quốc tế ?

- B. Cơ chế cấp phép hoạt động; các quy định về phương pháp định giá tính thuế; kiểm hóa trước khi xuất; các quy tắc xuất xứ; các biện pháp đầu tư liên quan thương mại....
- * C. Cơ chế cấp phép nhập khẩu; các phương pháp xác giá trị giá hải quan; giám kiểm hàng hóa trước khi xếp hàng lên phương tiện vận tải; các quy tắc xác định xuất xứ; các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại.
- D. Cơ chế cấp phép nhập khẩu; các quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa; kiểm hóa trước khi xuất khẩu; các quy tắc xuất xứ; các biện pháp đầu tư liên quan hàng hóa, kiểm dịch động thực vật.
- A. Cơ chế cấp phép kinh doanh; các quy định về phương pháp định giá hải quan; kiểm hóa trước khi nhập; các quy tắc giao dịch; các biện pháp đầu tư liên quan; kiểm dịch động thực vật; các tiêu chuẩn kỹ thuật

28. Theo Luật Thương mại quốc tế, Giám định và kiểm tra hàng hoá trước khi xếp hàng phải đáp ứng các yêu cầu gì ?

- * A. Không phân biệt đối xử, minh bạch, bảo vệ được thông tin mật về thương mại, tránh những chậm trễ không đáng có, tuân thủ những quy định cụ thể về giám kiểm giá cả và tránh xung đột lợi ích.
- D. Không phân biệt đối xử, minh bạch, bảo vệ được thông tin mật về thương mại, tránh những chậm trễ không đáng có, không tạo ra rào cản trong thương mại quốc tế, tránh xung đột lợi ích.
- B. Không phân biệt đối xử, minh bạch, tuân thủ pháp luật của nước nhập khẩu, không tạo ra rào cản trong thương mại quốc tế, có thể chậm trễ khi cần thiết, tuân thủ những quy định cụ thể về giá cả và tránh xung đột lợi ích.
- C. Không phân biệt đối xử, minh bạch, tuân thủ pháp luật của nước xuất khẩu, tránh những chậm trễ không đáng có, tuân thủ những quy định cụ thể về giám kiểm giá cả và tránh xung đột lợi ích.

29. Theo Luật Thương mại quốc tế, Quy tắc xuất xứ hàng hóa được hiểu là gì ?

- C. Là các quy tắc được áp dụng để xác định nước đã sản xuất ra sản phẩm bán trên thị trường hàng hóa quốc tế.
- A. Là các quy tắc, công thức, biện pháp được áp dụng để xác định một sản phẩm thuộc về nước nào.
- D. Là các quy tắc, công thức, biện pháp được áp dụng để xác định nước đã sản xuất ra một sản phẩm nhất định.
- * B. Là các quy định pháp luật, các quy tắc được áp dụng để xác định nơi mà sản phẩm được sản xuất.

30. Theo Luật Thương mại quốc tế, Xuất xứ hàng hóa thông thường cần phải được quyết định theo tiêu chí nào ?

- B. Xuất xứ hàng hóa thông thường cần phải được quyết định theo sự lựa chọn của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

- D. Xuất xứ hàng hóa thông thường cần phải được quyết định theo pháp luật của nước nhập khẩu.
- * C. Xuất xứ hàng hóa thông thường cần phải được quyết định theo sự chuyển dịch của Dòng thuế quan.
- A. Xuất xứ hàng hóa thông thường cần phải được quyết định theo sự lựa chọn của người tiêu dùng.

31. Theo Luật Thương mại quốc tế, các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMS) được hiểu là gì ?

- A. Đó là các biện pháp mà nước xuất khẩu đầu tư không được áp dụng đối với nhà đầu tư nước mình hoạt động thương mại hàng hóa quốc tế ở nước ngoài.
- C. Đó là các biện pháp mà nước xuất khẩu đầu tư có thể được áp dụng đối với nhà đầu tư nước mình hoạt động thương mại hàng hóa quốc tế ở nước ngoài.
- B. Đó là các biện pháp mà nước tiếp nhận đầu tư được áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài hoạt động liên quan đến thương mại hàng hóa quốc tế.
- * D. Đó là các biện pháp mà nước tiếp nhận đầu tư không được áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài hoạt động liên quan đến thương mại hàng hóa quốc tế.

32. Theo Luật Thương mại quốc tế, các Hỗ trợ trong nước cho sản xuất nông nghiệp được quy định như thế nào ?

- * D. Được quy định rõ trong Hiệp định về nông nghiệp, cho phép các chính phủ được hỗ trợ khu vực nông nghiệp bằng biện pháp tác động tối thiểu đến cạnh tranh.
- B. Được quy định rõ trong Hiệp định về nông nghiệp, cho phép các chính phủ được trợ cấp tài chính cho nông sản xuất khẩu trong mức độ cần thiết.
- C. Được quy định rõ trong Hiệp định về nông nghiệp, cấm các chính phủ được hỗ trợ khu vực nông thôn bằng biện pháp tác động tối thiểu đến cạnh tranh.
- A. Được quy định rõ trong Hiệp định về nông nghiệp, cấm các chính phủ trợ cấp tài chính cho nông sản xuất khẩu dưới mọi hình thức.

33. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Hộp xanh” trong hỗ trợ trong nước cho sản xuất nông nghiệp được hiểu là gì ?

- B. Là những bảo đảm của Chính phủ cho nông dân trong xuất khẩu nông sản và trong nghiên cứu nông nghiệp, y tế công cộng và an ninh lương thực.
- D. Là những bảo đảm của Chính phủ bảo cho nông dân, nông thôn như y tế công cộng, cơ sở hạ tầng nông thôn và an ninh lương thực.
- * A. Là những dịch vụ được Chính phủ bảo đảm cho nông dân, nông nghiệp như nghiên cứu nông nghiệp, y tế công cộng, cơ sở hạ tầng nông thôn và an ninh lương thực.
- C. Là những khoản ngân sách được Chính phủ trợ cấp cho nông dân, nông nghiệp để xuất khẩu nông sản và bảo đảm an ninh lương thực.

34. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Nguyên tắc “minimis” trong hỗ trợ trong nước cho sản xuất nông nghiệp được hiểu là gì ?

- * B. Là các biện pháp hỗ trợ trong nước có quy mô khiêm tốn so với tổng giá trị của nông sản hoặc tổng giá trị của các nông sản được trợ cấp (5% đối với các nước phát triển và 10% đối với các nước đang phát triển).
- D. Là các biện pháp trợ cấp xuất khẩu có quy mô khiêm tốn so với tổng giá trị của hàng hóa xuất khẩu hoặc tổng giá trị của các sản phẩm được trợ cấp (dưới 5% đối với các nước phát triển và dưới 10% đối với các nước đang phát triển).
- A. Là các biện pháp hỗ trợ trong nước có quy mô nhỏ so với tổng giá trị của hàng hóa xuất khẩu hoặc tổng giá trị của các hàng hóa xuất khẩu được trợ cấp (dưới 5% đối với các nước phát triển và dưới 10% đối với các nước đang phát triển).
- C. Là các biện pháp hỗ trợ trong nước có quy mô khiêm tốn so với tổng giá trị giao dịch các hàng hóa hoặc tổng giá trị của các hàng hóa xuất khẩu được trợ cấp (5% đối với các nước phát triển và 10% đối với các nước đang phát triển).

35. Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật và An toàn sản phẩm được quy định trong Luật thương mại quốc tế như thế nào ?

- C. Các nước xây dựng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật riêng để bảo đảm an toàn sản phẩm và bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người.
- * A. Có Hiệp định TBT của WTO và các điều ước quốc tế của Hệ thống Liên Hợp quốc về vấn đề này nhằm bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người.
- B. Có Hiệp định TBT của WTO và các thỏa thuận quốc tế của Liên Hợp quốc, ISO và khu vực về vấn đề này nhằm bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người.
- D. Các nước tự mình áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết để bảo đảm an toàn sản phẩm và bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người.

36. Các Tiêu chuẩn quốc tế cần áp dụng để bảo đảm an toàn đối với lương thực là các tiêu chuẩn do cơ quan nào biên soạn áp dụng ?

- D. Do Ban Thư ký WHO/LHQ biên soạn áp dụng.
- * B. Do FAO/WHO Codex Alimentarius Commission của Tổ chức Nông lương của Liên Hợp quốc và Tổ chức Y tế thế giới biên soạn áp dụng.
- A. Do Tổ chức quốc tế về sức khỏe động vật - IAHO và Cơ quan quốc tế về dịch bệnh động vật - OIE biên soạn áp dụng.
- C. Do Ban Thư ký FAO/LHQ về Công ước UPOV biên soạn áp dụng.

37. Các Tiêu chuẩn quốc tế cần áp dụng để bảo đảm vệ sinh dịch tễ đối với động vật là các tiêu chuẩn do cơ quan nào biên soạn áp dụng ?

- A. Do Ban Thư ký WHO/LHQ biên soạn áp dụng.
- D. Do Ban Thư ký FAO/LHQ về Công ước UPOV biên soạn áp dụng.
- B. Do FAO/WHO Codex Alimentarius Commission của Tổ chức Nông lương của Liên Hợp quốc và Tổ chức Y tế thế giới biên soạn áp dụng.
- * C. Do Tổ chức quốc tế về sức khỏe động vật - IAHO và Cơ quan quốc tế về dịch bệnh động vật - OIE biên soạn áp dụng.

38. Các Tiêu chuẩn quốc tế cần áp dụng để bảo đảm vệ sinh dịch tễ đối với thực vật là các tiêu chuẩn do cơ quan nào biên soạn áp dụng ?

- * D. Do Ban Thư ký FAO/LHQ về Công ước UPOV biên soạn áp dụng.
- A. Do Ban Thư ký WHO/LHQ biên soạn áp dụng.
- B. Do Tổ chức quốc tế về sức khỏe động vật - IAHO và Cơ quan quốc tế về dịch bệnh động vật- OIE biên soạn áp dụng.
- C. Do FAO/WHO Codex Alimentarius Commission của Tổ chức Nông lương của Liên Hợp quốc và Tổ chức Y tế thế giới biên soạn áp dụng.

39. Theo Luật Thương mại quốc tế, Bán phá giá thường được hiểu là gì ?

- D. Là việc bán một loại hàng hóa tại thị trường của nhiều nước với giá thấp hơn giá của chính sản phẩm đó tại thị trường của nước sản xuất ra sản phẩm đó.
- A. Là tình trạng phân biệt đối xử về giá theo đó giá bán hàng hóa trên thị trường tiêu thụ quá thấp so với giá thành thông thường của chính hàng hóa nhằm mục đích chiếm lĩnh thị trường, hạn chế cạnh tranh.
- C. Là tình trạng phân biệt đối xử về giá theo đó một sản phẩm được bán tại thị trường của nước xuất khẩu lại có giá rẻ hơn giá bình quân của chính sản phẩm đó tại thị trường của chính nước nhập khẩu.
- * B. Là tình trạng phân biệt đối xử về giá quốc tế mà ở đó giá của một sản phẩm được bán tại thị trường của nước nhập khẩu lại thấp hơn giá của chính sản phẩm đó tại thị trường của nước xuất khẩu sản phẩm đó.

40. Tổ chức thương mại thế giới (WTO) định nghĩa về Bán phá giá như thế nào ?

- D. Là tình trạng phân biệt đối xử về giá theo đó giá bán hàng hóa trên thị trường tiêu thụ quá thấp so với giá thành thông thường của chính hàng hóa nhằm mục đích chiếm lĩnh thị trường, hạn chế cạnh tranh
- B. Là tình trạng phân biệt đối xử về giá theo đó một sản phẩm được bán tại thị trường của nước xuất khẩu lại có giá rẻ hơn giá bình quân của chính sản phẩm đó tại thị trường của chính nước nhập khẩu.
- * C. Một sản phẩm bị coi là bán phá giá nếu giá xuất khẩu của sản phẩm đó thấp hơn giá có thể so sánh được trong điều kiện thương mại thông thường của sản phẩm tương tự được tiêu thụ tại thị trường nước xuất khẩu.
- A. Một sản phẩm bị coi là bán phá giá nếu giá bán của sản phẩm đó tại thị trường của nước nhập khẩu lại thấp hơn giá thông thường của sản phẩm đó được tiêu thụ tại thị trường nước xuất khẩu.

41. Theo Luật Thương mại quốc tế, khi nào thì có thể khởi động việc điều tra chống bán phá giá ?

- B. Khi cơ quan bảo hộ người tiêu dùng của nước nhập khẩu nhận được đơn kiện của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào kiện về hành vi bán phá giá của tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa.
- A. Khi tòa án có thẩm quyền của nước nhập khẩu nhận được đơn kiện hợp pháp kèm hồ sơ hợp lệ kiện về hành vi bán phá giá của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa.
- C. Khi cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu nhận được đơn kiện của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào kiện về hành vi bán phá giá của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa.

- * D. Khi cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu nhận được đơn kiện hợp pháp kèm hồ sơ hợp lệ kiện về hành vi bán phá giá của tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa.

42. Theo Luật Thương mại quốc tế, khi nào thì có thể áp dụng các biện pháp chống bán phá giá ?

- * A. Khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về việc có thiệt hại vật chất đáng kể cho ngành hàng trong nước, có bán phá giá phải chống và có quan hệ nhân quả giữa thiệt hại vật chất và bán phá giá nêu trên.
- B. Khi có kết luận tạm thời của cơ quan điều tra về việc có thiệt hại vật chất cho ngành hàng trong nước, có bán phá giá và có quan hệ nhân quả giữa thiệt hại vật chất và bán phá giá nêu trên theo pháp luật nước nhập khẩu.
- C. Khi có kết luận của cơ quan có điều tra về việc có thiệt hại đáng kể cho người tiêu thụ trong nước, có bán phá giá theo pháp luật nước nhập khẩu và có quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và bán phá giá nêu trên.
- D. Khi cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu nhận được đơn kiện hợp pháp kèm hồ sơ hợp lệ kiện về hành vi bán phá giá của tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa.

43. Theo Luật Thương mại quốc tế, Thiệt hại vật chất đồng kể cho ngành hàng trong nước được hiểu là gì ?

- C. Là hậu quả vật chất đáng kể được tính toán trên cơ sở các thông tin về tăng trưởng, sản lượng, giá cả, mức tiêu thụ, doanh thu, khả năng cạnh tranh, công ăn việc làm của người lao động và các thông tin khác.
- A. Là hậu quả vật chất đáng kể được tính toán chung trên cơ sở các thông tin về độ suy giảm đáng kể trong tăng trưởng, sản lượng, giá cả, mức tiêu thụ, doanh thu, công ăn việc làm, cạnh tranh và các thông tin khác.
- * B. Là hậu quả vật chất đáng kể được tính toán cụ thể trên cơ sở các thông tin được kiểm định về độ suy giảm đáng kể trong tăng trưởng, sản lượng, giá cả, mức tiêu thụ, doanh thu, công ăn việc làm và các thông tin khác.
- D. Là hậu quả vật chất đáng kể được tính toán trên cơ sở các thông tin kinh tế, xã hội do nguyên đơn cung cấp chủ yếu là về độ suy giảm đáng kể trong năng suất, sức cạnh tranh, mức tiêu thụ, doanh thu, thị trường và các thông tin khác.

44. Theo Luật Thương mại quốc tế, Biên độ bán phá giá được hiểu là gì ?

- A. Là khoảng chênh lệch có thể tính được giữa giá bán hàng hóa xuất khẩu tại thị trường nước xuất khẩu và giá bán chính hàng hóa đó tại thị trường nước nhập khẩu.
- * C. Là khoảng chênh lệch có thể tính được giữa giá trị thông thường của hàng hóa xuất khẩu tại thị trường nước xuất khẩu và giá xuất khẩu đạt được với người nhập khẩu hàng hóa đó tại thị trường nước nhập khẩu.
- D. Là khoảng chênh lệch có thể tính được giữa giá trị của hàng hóa xuất khẩu tại thị trường nước xuất khẩu và giá bán đạt được với người nhập khẩu hàng hóa đó tại thị trường nước nhập khẩu.
- B. Là khoảng chênh lệch có thể tính được giữa giá xuất xưởng của hàng hóa xuất khẩu tại thị trường nước xuất khẩu và giá xuất khẩu đạt được với người nhập khẩu hàng hóa đó tại thị trường nước nhập khẩu.

45. Theo Luật Thương mại quốc tế, Biên độ bán phá giá không đáng kể được hiểu là gì ?

- * D. Là biên độ bán phá giá quá nhỏ, dưới 02% giá xuất khẩu hàng hóa đó.
- A. Là biên độ bán phá giá quá nhỏ, dưới 10% giá xuất khẩu hàng hóa đó.
- C. Là biên độ bán phá giá quá nhỏ, dưới 05% giá xuất khẩu hàng hóa đó.
- B. Là biên độ bán phá giá quá nhỏ, dưới 07% giá xuất khẩu hàng hóa đó.

46. Theo Luật Thương mại quốc tế, khi nào thì cuộc điều tra chống bán phá giá phải chấm dứt ngay lập tức ?

- C. Khi cơ quan có thẩm quyền xác định biên độ bán phá giá là quá nhỏ, dưới 07% giá xuất khẩu hàng hóa bị điều tra; hoặc hàng hoá nhập khẩu được bán phá giá với số lượng không đáng kể, thấp hơn 07% tổng giá trị nhập khẩu của hàng hóa đó.
- B. Khi cơ quan có thẩm quyền xác định biên độ bán phá giá là quá nhỏ, dưới 05% giá xuất khẩu hàng hóa bị điều tra; hoặc hàng hoá nhập khẩu được bán phá giá với số lượng không đáng kể, thấp hơn 05% tổng giá trị nhập khẩu của hàng hóa đó.
- * A. Khi cơ quan có thẩm quyền xác định biên độ bán phá giá là quá nhỏ, dưới 02% giá xuất khẩu hàng hóa bị điều tra; hoặc hàng hoá nhập khẩu được bán phá giá với số lượng không đáng kể, thấp hơn 03% tổng giá trị nhập khẩu của hàng hóa đó.
- D. Khi cơ quan có thẩm quyền xác định biên độ bán phá giá là quá nhỏ, dưới 10% giá xuất khẩu hàng hóa bị điều tra; hoặc hàng hoá nhập khẩu được bán phá giá với số lượng không đáng kể, thấp hơn 05% tổng giá trị nhập khẩu của hàng hóa đó.

47. Theo Luật Thương mại quốc tế, Thuế bán phá giá được hiểu là gì ?

- D. Là loại thuế xuất khẩu đặc biệt được áp dụng trong trường hợp hàng hoá xuất khẩu được bán phá gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nước xuất khẩu.
- C. Là thuế xuất khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hoá xuất khẩu bị quá rẻ tại thị trường nước nhập khẩu và gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước nhập khẩu.
- A. Là thuế bổ sung được áp đặt lên hàng hoá bị bán phá giá tại thị trường nước nhập khẩu và gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại vật chất đáng kể cho ngành hàng sản xuất trong nước.
- * B. Là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hoá bị bán phá giá nhập khẩu vào nước nhập khẩu gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại vật chất đáng kể cho ngành hàng sản xuất của nước nhập khẩu.

48. Theo Luật Thương mại quốc tế, Trợ cấp được hiểu là gì ?

- A. Là khoản tài chính được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh để sản xuất ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trong thương mại quốc tế.
- B. Là khoản tài chính được chính phủ hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh vay để sản xuất hàng xuất khẩu trong thương mại quốc tế.
- * C. Là khoản tài chính được chính phủ hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh để tạo lợi thế cạnh tranh trong thương mại quốc tế.

- D. Là khoản tài chính được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh vay trong thời hạn từ 03 đến 05 năm để tạo lợi thế cạnh tranh trong thương mại quốc tế.

49. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Trợ cấp đèn đỏ” được hiểu là gì ?

- * D. Là các khoản trợ cấp có kèm điều kiện buộc người hưởng trợ cấp phải đạt được một số yêu cầu về xuất khẩu hoặc ưu tiên sử dụng hàng sản xuất trong nước hơn là hàng nhập khẩu.
- B. Là các khoản trợ cấp có kèm điều kiện cho người hưởng trợ cấp được tự do lựa chọn một số yêu cầu về xuất khẩu hoặc sử dụng hàng sản xuất trong nước để xuất khẩu theo khả năng của người hưởng trợ cấp đó.
- A. Là các khoản trợ cấp có kèm điều kiện buộc người hưởng trợ cấp phải đạt được một số yêu cầu về sản xuất hàng hóa, sử dụng người lao động trong nước hoặc ưu tiên sử dụng hàng sản xuất trong nước.
- C. Là các khoản trợ cấp có kèm điều kiện cho người hưởng trợ cấp được hưởng một số ưu tiên về xuất khẩu hoặc ưu tiên sử dụng hàng sản xuất trong nước hoặc hàng nhập khẩu.

50. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Trợ cấp đèn vàng” được hiểu là gì ?

- D. Là trợ cấp có tính đặc thù, dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc ngành công nghiệp non trẻ nằm trong một vùng địa lý nhất định thuộc quyền quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- * A. Là trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp đối kháng, có tính đặc thù, dành cho một nhóm doanh nghiệp hoặc nhiều ngành công nghiệp nhất định nằm trong một vùng địa lý nhất định thuộc quyền quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- B. Là trợ cấp có tính đặc thù, dành cho các doanh nghiệp trong nước hoặc nhiều ngành công nghiệp trong nước nằm trong tại nhiều vùng địa lý khác nhau thuộc quyền quản lý của các cơ quan nhà nước khác nhau.
- C. Là trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp đối kháng, có tính đặc thù, dành cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nằm trong một khu công nghiệp nhất định thuộc quyền quản lý của một cơ quan nhà nước nhất định.

51. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Trợ cấp đèn xanh” được hiểu là gì ?

- A. Là những trợ cấp mang tính đặc thù đáp ứng một số điều kiện nhất định như: trợ cấp nghiên cứu, phát triển khu vực nông sản, nông nghiệp; trợ cấp phát triển khu vực ít người; trợ cấp cho các hoạt động bảo vệ môi trường.
- C. Là những trợ cấp không mang tính đặc thù nhưng đáp ứng một số điều kiện nhất định như: trợ cấp nghiên cứu, phát triển vùng sâu, vùng xa đô thị; trợ cấp phát triển khu vực nông nghiệp; trợ cấp cho các hoạt động bảo vệ môi trường.
- D. Là những trợ cấp không mang tính đặc thù nhưng tập trung vào một số lĩnh vực nhất định như: trợ cấp phát triển nông thôn, vùng dân tộc ít người; trợ cấp phát triển văn hóa, giáo dục; trợ cấp cho các hoạt động bảo vệ môi trường.
- * B. Là những trợ cấp không mang tính đặc thù, hoặc những trợ cấp đặc thù nhưng đáp ứng một số điều kiện nhất định như: trợ cấp nghiên cứu, phát triển; trợ cấp phát triển khu vực; trợ cấp cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

52. Đối tượng điều chỉnh của Luật Thương mại dịch vụ quốc tế có những đặc điểm gì cần chú ý ?

- B. Tính hữu hình; Cân đong, đo, đếm được; Lưu giữ được lâu dài; Xảy ra đồng thời giữa người cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ; Áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; Theo các công thức, biểu mẫu điện toán thống nhất trên phạm vi toàn cầu; Gắn kết với vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự an toàn xã hội.
- * C. Tính vô hình; Không cân đong, đo, đếm được; Không lưu giữ được; Xảy ra đồng thời giữa người cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ; Áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; Theo các công thức, biểu mẫu điện toán thống nhất trên phạm vi toàn cầu; Gắn kết với vấn đề chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng,...
- A. Tính vô hình; Không cân đong, đo, đếm được; Xảy ra đồng thời giữa người cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ; Áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; Gắn kết với vấn đề chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự an toàn xã hội.
- D. Tính hữu hình; Có thể cân đong, đo, đếm được; Lưu giữ được lâu dài; Xảy ra đồng thời giữa người cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ; Áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; Gắn kết với vấn đề chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng.

53. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Dịch vụ thương mại” được hiểu là gì ?

- B. Là bất kỳ sản phẩm nào được liệt kê vào, được mô tả và được mã hóa trong Bảng phân loại các dịch vụ của Tổ chức thương mại thế giới.
- * D. Là bất kỳ sản phẩm nào được liệt kê vào, được mô tả và được mã hóa trong Bảng phân loại các dịch vụ cơ bản của Liên Hợp quốc.
- A. Là bất kỳ sản phẩm nào được liệt kê vào, được mô tả và được mã hóa trong Bảng phân loại các dịch vụ cơ bản của ASEAN.
- C. Là bất kỳ sản phẩm nào được liệt kê vào, được mô tả và được mã hóa trong Danh mục HS của Tổ chức Hải quan thế giới.

54. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Dịch vụ thương mại công” được hiểu là gì ?

- * A. Là dịch vụ theo Bảng phân loại các dịch vụ cơ bản của Liên Hợp quốc được cung cấp để thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, các cơ quan nhà nước ở trung ương, các chính quyền địa phương.
- D. Là dịch vụ theo quy định của pháp luật quốc gia được cung cấp để thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, các cơ quan nhà nước ở trung ương trong các trường hợp khẩn cấp hoặc trong chiến tranh.
- B. Là dịch vụ theo quy định pháp luật quốc gia được cung cấp để thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, các cơ quan nhà nước ở trung ương, các chính quyền địa phương.
- C. Là dịch vụ theo Bảng phân loại các dịch vụ cơ bản của Tổ chức thương mại thế giới được cung cấp để thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, các cơ quan nhà nước ở trung ương.

55. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Thương mại dịch vụ” được hiểu là gì ?

- D. Là sự cung cấp một dịch vụ thương mại theo phương thức “cung ứng dịch vụ qua biên giới”; hoặc “tiêu dùng dịch vụ ở nước ngoài” kết hợp với “hiện diện thương mại”; hoặc theo

phương thức “hiện diện của thể nhân”.

- * B. Là sự cung cấp một dịch vụ thương mại theo phương thức “cung ứng dịch vụ qua biên giới”; hoặc theo phương thức “tiêu dùng dịch vụ ở nước ngoài”; hoặc theo phương thức “hiện diện thương mại”; hoặc theo phương thức “hiện diện của thể nhân”.
- A. Là sự cung cấp một dịch vụ thương mại theo phương thức “cung ứng dịch vụ qua biên giới” kết hợp với phương thức “tiêu dùng dịch vụ ở nước ngoài”; hoặc theo phương thức “hiện diện thương mại” kết hợp với phương thức “hiện diện của thể nhân”.
- C. Là sự cung cấp một dịch vụ thương mại theo phương thức kết hợp “cung ứng dịch vụ qua biên giới” với “tiêu dùng dịch vụ ở nước ngoài”; hoặc theo phương thức kết hợp “hiện diện thương mại” với “hiện diện của thể nhân”.

56. Theo Luật Thương mại quốc tế, các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của một nước được thể hiện qua các phương pháp tiếp cận cụ thể nào?

- A. Phương pháp “Tùy nghi” và phương pháp “Chọn - Cho”.
- D. Phương pháp “Chọn - Hủy ngang” và phương pháp “Chọn - Không hủy ngang”.
- B. Phương pháp “Chọn - Bỏ” và phương pháp tiếp cận “Tùy nghi”.
- * C. Phương pháp “Chọn - Bỏ” và phương pháp “Chọn - Cho”.

57. Theo Luật Thương mại quốc tế, phương pháp “Chọn - Bỏ” được hiểu là gì ?

- D. Là phương pháp xác định cam kết theo dạng “được làm tất cả những gì không gây hại cho nước mở cửa thị trường”.
- B. Là phương pháp xác định cam kết theo dạng “được làm tất cả những gì không bị cấm”.
- * A. Là phương pháp xác định cam kết theo dạng “được làm tất cả những gì không bị loại bỏ khỏi cam kết”.
- C. Là phương pháp xác định cam kết theo dạng “được làm tất cả những gì theo lựa chọn của nước tiếp cận thị trường”.

58. Theo Luật Thương mại quốc tế, phương pháp “Chọn - Cho” được hiểu là gì ?

- A. Là phương pháp xác định cam kết theo dạng “được làm tất cả những gì không bị loại bỏ khỏi cam kết”.
- D. Là phương pháp xác định cam kết theo dạng “được làm tất cả những gì không gây hại cho nước mở cửa thị trường”.
- * B. Là phương pháp xác định cam kết theo dạng “chỉ được làm cái mà cam kết cho phép làm”.
- C. Là phương pháp xác định cam kết theo dạng “được làm tất cả những gì theo lựa chọn của nước tiếp cận thị trường”.

59. Theo Luật Thương mại quốc tế, có các loại Rào cản tiêu biểu nào đối với thương mại dịch vụ quốc tế cần chú ý ?

- A. Có 04 loại hạn chế về: số lượng nhà cung cấp dịch vụ; tổng trị giá của các giao dịch dịch vụ hoặc tài sản; tổng số các giao dịch dịch vụ hoặc tổng số lượng đầu ra của dịch vụ; tổng số thể nhân mà một nhà cung cấp dịch vụ có thể được thuê.

- B. Có 05 loại hạn chế về: số lượng nhà cung cấp dịch vụ; tổng trị giá của các giao dịch dịch vụ hoặc tài sản; tổng số các giao dịch dịch vụ hoặc tổng số lượng đầu ra của dịch vụ; tổng số thể nhân mà một nhà cung cấp dịch vụ có thể được thuê; sự tham gia góp vốn nước ngoài.
- * C. Có 06 loại hạn chế về: số lượng nhà cung cấp dịch vụ; tổng trị giá của các giao dịch dịch vụ hoặc tài sản; tổng số các giao dịch dịch vụ hoặc tổng số lượng đầu ra của dịch vụ; tổng số thể nhân mà một nhà cung cấp dịch vụ có thể được thuê; hình thức thực thể pháp lý nhất định; sự tham gia góp vốn nước ngoài.
- D. Có 07 loại hạn chế về: số lượng nhà cung cấp dịch vụ; tổng trị giá của các giao dịch dịch vụ hoặc tài sản; tổng số các giao dịch dịch vụ hoặc tổng số lượng đầu ra của dịch vụ; tổng số thể nhân mà một nhà cung cấp dịch vụ có thể được thuê; hình thức thực thể pháp lý nhất định; sự tham gia góp vốn nước ngoài; các đòi hỏi kiểm định nhu cầu kinh tế cần thiết.

60. Luật lệ thương mại quốc tế về tài sản trí tuệ được hiểu là gì ?

- * D. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật thương mại quốc tế điều chỉnh các quan hệ xã hội quốc tế phát sinh từ việc bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
- B. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật thương mại quốc tế điều chỉnh các quan hệ xã hội quốc tế phát sinh từ việc công nhận quyền sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
- A. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật thương mại quốc tế điều chỉnh các quan hệ xã hội quốc tế phát sinh từ việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
- C. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật thương mại quốc tế điều chỉnh các quan hệ xã hội quốc tế phát sinh từ việc xây dựng, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

61. Đối tượng điều chỉnh của Luật lệ thương mại quốc tế về tài sản trí tuệ có những đặc điểm gì cần chú ý ?

- D. Tính hữu hình; Cân đong, đo, đếm được; Không cần áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; Gắn kết với vấn đề xuất bản, in ấn; Gắn kết với vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự an toàn xã hội.
- * A. Tính vô hình; Không cân đong, đo, đếm được; Áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; Gắn kết với vấn đề chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự an toàn xã hội.
- B. Tính hữu hình; Có thể cân đong, đo, đếm được; Áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; Dễ bị xâm hại; Gắn kết với vấn đề chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
- C. Tính vô hình; Có thể cân đong, đo, đếm được; Không cần áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ; Gắn kết với vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự an toàn xã hội.

62. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Tài sản trí tuệ” được hiểu là gì ?

- A. Là các sản phẩm của lao động của cá nhân, tập thể con người tạo ra trong quá trình sản xuất hàng hóa.

- C. Là các sản phẩm của lao động của cá nhân, tập thể con người tạo ra trong quá trình sống trong xã hội loài người.
- * B. Là các sản phẩm sáng tạo của lao động trí tuệ của cá nhân, tập thể con người.
- D. Là các sản phẩm do cá nhân, tập thể con người tạo ra trong cuộc sống hàng ngày của cá nhân, tập thể đó.

63. Tổ chức thương mại thế giới hiểu tài sản trí tuệ là gì ?

- * C. Là các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; Các nhãn hiệu thương mại; Các chỉ dẫn địa lý; Các kiểu dáng công nghiệp; Các sáng chế; Các thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; Các thông tin, bí mật kinh doanh; Thực tiễn kiểm soát hành vi chống cạnh tranh và các giống cây trồng mới.
- A. Là các tác phẩm khoa học; Các nhãn hiệu thương mại; Các chỉ dẫn địa lý; Các kiểu dáng công nghiệp; Các phát minh, sáng chế; Các thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; Các bí mật kinh doanh; Các giống cây trồng mới.
- D. Là các tác phẩm văn học, nghệ thuật; Các nhãn hiệu hàng hóa; Các chỉ dẫn địa lý; Các kiểu dáng công nghiệp; Các phát minh, sáng chế; Các thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; Các bí mật kinh doanh; Các giống cây trồng mới.
- B. Là các tác phẩm văn học, khoa học; Các nhãn hiệu dịch vụ; Các chỉ dẫn địa lý; Các kiểu dáng công nghiệp; Các phát minh, sáng chế; Các thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; Các thông tin kinh doanh; Thực tiễn chống cạnh tranh không lành mạnh.

64. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Quyền sở hữu trí tuệ” được hiểu là gì ?

- C. Là quyền của tổ chức, cá nhân sáng tạo ra các tài sản trí tuệ được pháp luật quốc gia công nhận và thuộc đối tượng của Luật Thương mại quốc tế.
- B. Là quyền của tổ chức, cá nhân sở hữu các tài sản trí tuệ được pháp luật quốc gia bảo hộ và thuộc đối tượng của Luật Thương mại quốc tế.
- * D. Là quyền của tổ chức, cá nhân sáng tạo ra hoặc sở hữu các tài sản trí tuệ thuộc đối tượng của Luật Thương mại quốc tế.
- A. Là quyền của tổ chức, cá nhân sáng tạo ra và được sở hữu các tài sản trí tuệ theo pháp luật quốc gia và thuộc đối tượng của Luật Thương mại quốc tế.

65. Các quyền sở hữu trí tuệ nào được bảo hộ theo Luật Thương mại quốc tế ?

- D. Các nội dung chính trị-xã hội của quyền tác giả và quyền liên quan; Các nội dung kinh tế của quyền sở hữu công nghiệp và các nội dung tinh thần của quyền đối với giống cây trồng mới.
- C. Các nội dung tinh thần của quyền tác giả và quyền liên quan; Các nội dung tinh thần của quyền sở hữu công nghiệp và các nội dung tinh thần của quyền đối với giống cây trồng mới.
- * A. Các nội dung kinh tế của quyền tác giả và quyền liên quan; Các nội dung kinh tế của quyền sở hữu công nghiệp và các nội dung kinh tế của quyền đối với giống cây trồng mới.
- B. Toàn bộ các quyền nhân thân và quyền tài sản của quyền tác giả và quyền liên quan, của quyền sở hữu công nghiệp và của quyền đối với giống cây trồng mới.

66. Theo Luật Thương mại quốc tế, quyền tác giả và quyền liên quan phải được bảo hộ như thế nào ?

- A. Phải được bảo hộ như đã được quy định trong các văn bản của WIPO và WTO cũng như các điều ước quốc tế song phương và Pháp luật quốc gia liên quan đã xác định.
- C. Phải được bảo hộ như đã được quy định trong Pháp luật quốc gia liên quan cũng như các điều ước quốc tế khu vực/liên khu vực, các điều ước quốc tế song phương đã xác định.
- * B. Phải được bảo hộ như đã được quy định trong các văn bản của WIPO và WTO cũng như các điều ước quốc tế khu vực/liên khu vực, các điều ước quốc tế song phương đã xác định.
- D. Phải được bảo hộ như đã được quy định trong Pháp luật quốc gia liên quan cũng như các văn bản của WIPO, WTO và các điều ước quốc tế song phương đã xác định.

67. Theo Luật Thương mại quốc tế, quyền đối với nhãn hiệu hàng hoá và nhãn hiệu dịch vụ phải được bảo hộ như thế nào ?

- A. Phải được bảo hộ trong mức độ cần thiết; Chủ sở hữu các nhãn hiệu hàng hóa phải được bảo hộ các quyền tối thiểu thấp hơn Chủ sở hữu các nhãn hiệu dịch vụ.
- D. Phải được bảo hộ trong mức độ cần thiết; Chủ sở hữu các nhãn hiệu dịch vụ không được được bảo hộ các quyền như Chủ sở hữu các nhãn hiệu hàng hóa
- * C. Phải được bảo hộ trong mức độ cần thiết; Chủ sở hữu các nhãn hiệu dịch vụ phải được bảo hộ các quyền tối thiểu như Chủ sở hữu các nhãn hiệu hàng hóa.
- B. Phải được bảo hộ trong mức độ cần thiết; Chủ sở hữu các nhãn hiệu hàng hóa phải được bảo hộ các quyền tối thiểu cao hơn Chủ sở hữu các nhãn hiệu dịch vụ

68. Theo Luật Thương mại quốc tế, quyền đối với bản vẽ và kiểu dáng công nghiệp phải được bảo hộ như thế nào ?

- A. Phải được bảo hộ ít nhất 05 năm; Chủ sở hữu các bản vẽ được bảo hộ không có quyền ngăn cấm việc sản xuất, bán hoặc nhập khẩu các sản phẩm mang hoặc có chứa hình vẽ giống với hình vẽ đã được bảo hộ.
- C. Phải được bảo hộ ít nhất 07 năm; Chủ sở hữu các bản vẽ được bảo hộ không có quyền ngăn cấm việc sản xuất, bán hoặc nhập khẩu các sản phẩm mang hoặc có chứa hình vẽ giống với hình vẽ đã được bảo hộ.
- B. Phải được bảo hộ ít nhất 05 năm; Chủ sở hữu các bản vẽ được bảo hộ có thể có quyền ngăn cấm việc sản xuất, bán hoặc nhập khẩu các sản phẩm mang hoặc có chứa hình vẽ giống với hình vẽ đã được bảo hộ.
- * D. Phải được bảo hộ ít nhất 10 năm; Chủ sở hữu các bản vẽ được bảo hộ phải có quyền ngăn cấm việc sản xuất, bán hoặc nhập khẩu các sản phẩm mang hoặc có chứa hình vẽ giống với hình vẽ đã được bảo hộ.

69. Theo Luật Thương mại quốc tế, quyền đối với các sáng chế phải được bảo hộ như thế nào ?

- * A. Phải được bảo hộ thông qua Văn bằng sáng chế trong thời hạn ít nhất 20 năm. Nếu Văn bằng sáng chế về quy trình sản xuất thì sản phẩm được sản xuất trực tiếp từ quy trình này cũng được bảo hộ.
- D. Phải được bảo hộ thông qua Văn bằng sáng chế trong thời hạn ít nhất 20 năm. Nếu Văn bằng sáng chế về quy trình sản xuất thì sản phẩm được sản xuất trực tiếp từ quy trình này

không được bảo hộ.

- C. Phải được bảo hộ thông qua Văn bằng sáng chế trong thời hạn ít nhất 10 năm. Nếu Văn bằng sáng chế về quy trình sản xuất thì sản phẩm được sản xuất trực tiếp từ quy trình này không được bảo hộ.
- B. Phải được bảo hộ thông qua Văn bằng sáng chế trong thời hạn ít nhất 15 năm. Nếu Văn bằng sáng chế về quy trình sản xuất thì sản phẩm được sản xuất trực tiếp từ quy trình này cũng có thể được xét để bảo hộ.

70. Theo Luật Thương mại quốc tế, quyền đối với sơ đồ bố trí mạch tích hợp phải được bảo hộ như thế nào ?

- C. Phải được thực hiện trên cơ sở Pháp luật quốc gia về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực mạch tích hợp.
- * B. Phải được thực hiện trên cơ sở Hiệp định Washington 1989 về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực mạch tích hợp.
- A. Phải được thực hiện trên cơ sở Hiệp định TRIPS của WTO về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực mạch tích hợp.
- D. Phải được thực hiện trên cơ sở Hiệp định song phương về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực mạch tích hợp.

71. Theo Luật Thương mại quốc tế, các thủ tục thực thi quyền sở hữu trí tuệ phải đáp ứng các yêu cầu gì ?

- D. Phải hợp pháp, nhanh chóng, không quá phức tạp, gây phiền toái cho người đi kiện, không phải tốn kém.
- B. Phải minh bạch, công khai, không quá phức tạp, không phải tốn kém một cách không cần thiết
- * C. Phải hợp pháp, công bằng, không quá phức tạp, không phải tốn kém một cách không cần thiết.
- A. Phải minh bạch, công khai, công bằng, không phải tốn kém một cách không cần thiết

72. Theo Luật Thương mại quốc tế, Luật lệ về đầu tư quốc tế được hiểu là gì ?

- A. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm luật khu vực về đầu tư quốc tế, luật đầu tư quốc tế song phương, pháp luật quốc gia về đầu tư quốc tế và các quy phạm hợp đồng đầu tư quốc tế.
- * D. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm luật thương mại quốc tế công về đầu tư quốc tế, luật thương mại quốc tế tư về đầu tư quốc tế, luật thương mại quốc tế công-tư hỗn hợp về đầu tư quốc tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
- B. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm luật thương mại quốc tế về đầu tư quốc tế, luật thương mại khu vực về đầu tư quốc tế, pháp luật quốc gia về đầu tư quốc tế, các thỏa thuận giữa các nhà đầu tư các nước khác nhau.
- C. Là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm luật thương mại quốc tế tư về đầu tư quốc tế, luật thương mại quốc tế công về đầu tư quốc tế, pháp luật quốc gia về đầu tư nước ngoài trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

73. Theo Luật Thương mại quốc tế, Luật lệ về đầu tư quốc tế có các nguyên tắc cơ bản nào ?

- * A. Không phân biệt đối xử; Áp dụng linh hoạt chế độ MFN và chế độ NT; Tự do hơn cho hoạt động ĐTQT; Tuân thủ PL và các quy tắc xử sự của nước tiếp nhận ĐT; Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng hoặc trọng tài.
- B. Không phân biệt đối xử; Không cho phép quốc hữu hóa, trưng dụng tài sản, nguồn vốn ĐTQT mà không có bồi thường theo thông lệ ĐTQT; Tạo thuận lợi cho việc đăng ký hoạt động ĐTQT và hồi hương vốn ĐTQT;
- C. Áp dụng linh hoạt chế độ MFN và chế độ NT; Tự do hơn cho hoạt động ĐTQT; Bảo đảm tạo thuận lợi cho việc xuất nhập cảnh của nhà ĐTQT và các chuyên gia ĐTQT;
- D. Tuân thủ PL và các quy tắc xử sự của nước tiếp nhận ĐT; Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng hoặc trọng tài. Tránh đánh thuế trùng trong lĩnh vực ĐTQT;

74. Liên hợp quốc có một điều ước quốc tế chung toàn cầu về Luật đầu tư quốc tế hay không ?

- C. Đang soạn thảo
- D. Không rõ.
- * B. Chưa có
- A. Đã có

75. Tổ chức thương mại thế giới (WTO) có một điều ước quốc tế chung toàn cầu về Luật đầu tư quốc tế hay không ?

- * C. Chưa có
- B. Đã có
- D. Không rõ.
- A. Đang soạn thảo

76. ASEAN có một điều ước quốc tế chung toàn khối ASEAN về Luật đầu tư quốc tế hay không ?

- A. Chưa có
- B. Không rõ
- C. Đang soạn thảo
- * D. Có

77. Việt Nam có cam kết gì với WTO về đầu tư quốc tế hay không?

- C. Đang đàm phán
- B. Chưa có
- D. Không rõ
- * A. Có

78. Theo Luật Thương mại quốc tế, “Đầu tư quốc tế” được hiểu là gì ?

- D. (i) là hình thức vận động của tư bản từ nước này sang nước khác nhằm những mục đích kinh tế, chính trị và các mục đích khác. (ii) là tư bản đầu tư của nước này được đưa vào nước khác hoặc nằm ở nước khác nhằm những mục đích kinh tế, chính trị và các mục đích khác.

- A. (i) là hình thức vận động của tư bản từ nước này sang nước khác nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận và bành trướng thị trường. (ii) là tư bản đầu tư của nước này được đưa vào nước khác hoặc nằm ở nước khác nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận và bành trướng thị trường..
- C. (i) là hình thức vận động của tư bản từ nước này sang nước khác nhằm những mục đích quân sự và chiếm đóng lãnh thổ nước khác. (ii) là tư bản đầu tư của nước này được đưa vào nước khác hoặc nằm ở nước khác nhằm mục đích quân sự và chiếm đóng lãnh thổ nước khác.
- * B. (i) là hình thức vận động của tư bản từ nước này sang nước khác nhằm những mục đích nhất định và tuân theo những điều kiện nhất định. (ii) là tư bản đầu tư của nước này được đưa vào nước khác hoặc nằm ở nước khác nhằm những mục đích nhất định và tuân theo những điều kiện nhất định.

79. Luật Thương mại quốc tế chú ý nghiên cứu những loại hình đầu tư quốc tế nào ?

- A. Đầu tư quốc tế trực tiếp, Đầu tư quốc tế gián tiếp và Đầu tư quốc tế hỗn hợp.
- * C. Đầu tư quốc tế công, Đầu tư quốc tế tư và Đầu tư quốc tế công, tư hỗn hợp.
- D. Đầu tư tài chính quốc tế công, Đầu tư tài chính quốc tế tư và Đầu tư quốc tế hỗn hợp.
- B. Đầu tư quốc tế công, Đầu tư quốc tế tư và Đầu tư tài chính quốc tế.

80. Theo Luật Thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế công chủ yếu được thể hiện dưới các hình thức nào?

- A. Cho vay, trợ cấp hoặc viện trợ có hoàn lại của các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế liên chính phủ cấp cho một nước nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, cải thiện mức sống ở nước đó, với những điều kiện tài chính phù hợp áp dụng trong quan hệ thương mại thông thường.
- B. Cho vay, tín dụng, trợ cấp của các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế liên chính phủ cấp cho một nước nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, cải thiện mức sống ở nước đó, với những điều kiện tài chính dễ dàng, tương đương với các điều kiện tín dụng trong quan hệ thương mại thông thường.
- C. Cho vay, tín dụng, trợ cấp của các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế liên chính phủ cấp cho một nước nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, cải thiện mức sống ở nước đó, với những điều kiện tài chính áp dụng trong quan hệ thương mại thông thường.
- * D. Cho vay, tín dụng, trợ cấp hoặc viện trợ không hoàn lại của các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế liên chính phủ cấp cho một nước nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, cải thiện mức sống ở nước đó, với những điều kiện tài chính dễ dàng, không áp dụng trong quan hệ thương mại thông thường.

81. Theo Luật Thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế tư chủ yếu được thể hiện dưới các hình thức nào ?

- D. Đầu tư trực tiếp nước ngoài; Đầu tư gián tiếp nước ngoài; và tín dụng quốc tế của cá nhân, tổ chức nước ngoài trên lãnh thổ một quốc gia khác nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận và chiếm lĩnh thị trường của nước nhận đầu tư.
- * A. Đầu tư trực tiếp nước ngoài; Đầu tư gián tiếp nước ngoài; và tín dụng quốc tế của cá nhân, tổ chức nước ngoài trên lãnh thổ một quốc gia khác nhằm mục đích kinh tế, kinh tế-xã hội nhất định và tuân theo những điều kiện cụ thể của nước nhận đầu tư.
- C. Cho vay, tín dụng, trợ cấp của các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế liên chính phủ cấp cho một nước nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, cải thiện mức sống ở nước đó, với những điều

kiện tài chính áp dụng trong quan hệ thương mại thông thường.

- B. Cho vay, tín dụng, trợ cấp của các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế liên chính phủ cấp cho một nước nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, cải thiện mức sống ở nước đó, với những điều kiện tài chính dễ dàng, tương đương với các điều kiện tín dụng trong quan hệ thương mại thông thường.

82. Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (Hiệp định TRIMS, của WTO là hiệp định về vấn đề gì ?

- A. Là hiệp định của WTO quy định các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại mà các Thành viên WTO có thể được phép áp dụng trong thương mại quốc tế giữa các thành viên WTO.
- * B. Là hiệp định của WTO quy định các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại mà các Thành viên WTO không được phép áp dụng trong thương mại quốc tế giữa các thành viên WTO.
- C. Là hiệp định của WTO quy định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại không được áp dụng như là các biện pháp bảo hộ thương mại trong nước.
- D. Là hiệp định của WTO quy định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại thường được áp dụng như là các biện pháp phi thuế quan nhằm bảo hộ thương mại trong nước

83. Theo Luật Thương mại quốc tế, Hiệp định đầu tư toàn diện của ASEAN (ACIA) tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực nào ?

- B. Sản xuất công nghiệp; Nông nghiệp; Ngư nghiệp; Lâm nghiệp; Khai khoáng và khai thác đá;
- D. Sản xuất công nghiệp; Nông nghiệp; Ngư nghiệp; Lâm nghiệp; Khai khoáng và khai thác đá; Các dịch vụ liên quan đi kèm của các lĩnh vực trên; Bất kỳ lĩnh vực nào không được các nước thành viên nhất trí.
- C. Ngư nghiệp; Lâm nghiệp; Khai khoáng và khai thác đá; Các dịch vụ liên quan đi kèm của các lĩnh vực trên; Bất kỳ lĩnh vực nào được các nước thành viên nhất trí.
- * A. Sản xuất công nghiệp; Nông nghiệp; Ngư nghiệp; Lâm nghiệp; Khai khoáng và khai thác đá; Các dịch vụ liên quan đi kèm của các lĩnh vực trên; Bất kỳ lĩnh vực nào được các nước thành viên nhất trí.

84. Theo Hiệp định đầu tư toàn diện của ASEAN (ACIA), Nhà đầu tư được hiểu là gì ?

- B. Là một thể nhân của một nước thành viên đang hoặc đã thực hiện đầu tư trong lãnh thổ của một nước thành viên khác bất kỳ;
- D. Là một thể nhân của một nước thành viên hoặc một pháp nhân của một nước bất kỳ đang hoặc đã thực hiện đầu tư trong lãnh thổ của một nước thành viên khác bất kỳ;
- * A. Là một thể nhân của một nước thành viên hoặc một pháp nhân của một nước thành viên đang hoặc đã thực hiện đầu tư trong lãnh thổ của một nước thành viên khác bất kỳ;
- C. Là một pháp nhân của một nước thành viên đang hoặc đã thực hiện đầu tư trong lãnh thổ của một nước thành viên khác bất kỳ;

85. Theo Hiệp định đầu tư toàn diện của ASEAN (ACIA), “Khoản đầu tư” được hiểu là gì ?

- C. Cổ phiếu, trái phiếu và các hình thức tham gia vào một pháp nhân và quyền hoặc lợi ích phát sinh từ việc tham gia đó;
- A. Tài sản di chuyển và cố định và các quyền tài sản khác như thế chấp hoặc cầm cố;
- D. Quyền sở hữu trí tuệ được trao theo quy định của pháp luật của mỗi nước thành viên;
- * B. Là tất cả các loại tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát của một nhà đầu tư

86. Theo Hiệp định đầu tư toàn diện của ASEAN (ACIA), “Pháp nhân” được hiểu là gì ?

- C. Là một pháp nhân bất kỳ được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật có hiệu lực của một nước thành viên, bất kể có vì lợi nhuận hay không, và dưới hình thức tư nhân hoặc thuộc sở hữu nhà nước;
- B. Là một pháp nhân của một nước bất kỳ được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật có hiệu lực của một nước bất kỳ, bất kể có vì lợi nhuận hay không, và dưới hình thức tư nhân hoặc thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm doanh nghiệp, công ty, quỹ tín thác, công ty hợp danh, liên doanh, doanh nghiệp tư nhân, hiệp hội, hoặc tổ chức;
- * A. Là một pháp nhân bất kỳ được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật có hiệu lực của một nước thành viên, bất kể có vì lợi nhuận hay không, và dưới hình thức tư nhân hoặc thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm doanh nghiệp, công ty, quỹ tín thác, công ty hợp danh, liên doanh, doanh nghiệp tư nhân, hiệp hội, hoặc tổ chức;
- D. Là doanh nghiệp, công ty, quỹ tín thác, công ty hợp danh, liên doanh, doanh nghiệp tư nhân, hiệp hội, hoặc tổ chức;

88. Theo Hiệp định đầu tư toàn diện của ASEAN (ACIA), tự do hóa đầu tư được hiểu là gì ?

- A. Xóa bỏ các rào cản đầu tư (gồm xóa bỏ các rào cản đầu tư và các biện pháp phân biệt đối xử như thông qua áp dụng nguyên tắc MFN và NT)
- * C. Mở cửa các lĩnh vực đầu tư (xóa bỏ các biện pháp đầu tư) và xóa bỏ các rào cản đầu tư (gồm xóa bỏ các rào cản đầu tư và các biện pháp phân biệt đối xử như thông qua áp dụng nguyên tắc MFN và NT)
- D. Mở cửa các lĩnh vực đầu tư (xóa bỏ các biện pháp đầu tư) và xóa bỏ các rào cản đầu tư (gồm xóa bỏ các rào cản đầu tư và các biện pháp phân biệt đối xử như thông qua áp dụng nguyên tắc MFN và NT) và các biện pháp khác
- B. Mở cửa các lĩnh vực đầu tư (xóa bỏ các biện pháp đầu tư)

89. Theo Hiệp định ACIA, Nguyên tắc NT tập trung vào các yêu cầu nào ?

- * A. Yêu cầu Quốc gia thành viên đối xử với các nhà đầu tư của các Quốc gia thành viên khác và khoản đầu tư của họ không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư của nước mình.
- D. Yêu cầu Quốc gia bất kỳ dành chế độ đãi ngộ như nhau giữa các nhà đầu tư ASEAN và các khoản đầu tư của họ.
- B. Yêu cầu Quốc gia thành viên dành chế độ đãi ngộ như nhau giữa các nhà đầu tư ASEAN và các khoản đầu tư của họ.
- C. Yêu cầu Quốc gia bất kỳ đối xử với các nhà đầu tư của các Quốc gia thành viên khác và khoản đầu tư của họ không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư của nước mình.

90. Theo Hiệp định ACIA, Nguyên tắc MFN tập trung vào các yêu cầu nào ?

- * B. Yêu cầu Quốc gia thành viên dành chế độ đãi ngộ như nhau giữa các nhà đầu tư ASEAN và các khoản đầu tư của họ.
- C. Yêu cầu Quốc gia bất kỳ đối xử với các nhà đầu tư của các Quốc gia thành viên khác và khoản đầu tư của họ không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư của nước mình.
- A. Yêu cầu Quốc gia thành viên đối xử với các nhà đầu tư của các Quốc gia thành viên khác và khoản đầu tư của họ không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư của nước mình.
- D. Yêu cầu Quốc gia bất kỳ dành chế độ đãi ngộ như nhau giữa các nhà đầu tư ASEAN và các khoản đầu tư của họ.

91. Theo Hiệp định ACIA, mục đích của Bảo hộ đầu tư tập trung vào các yêu cầu nào ?

- B. Đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư và khoản đầu tư của họ, “Đối xử công bằng và bình đẳng” đối với các nhà đầu tư.
- D. Đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư và khoản đầu tư của họ, “Đối xử công bằng và bình đẳng” đối với các nhà đầu tư và “bảo hộ đầy đủ” đối với các khoản đầu tư và các lợi ích khác của nhà đầu tư. Đảm bảo thu xếp vốn đầy đủ cho nhà đầu tư.
- C. Đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư và khoản đầu tư của họ, và “bảo hộ đầy đủ” đối với các khoản đầu tư và các lợi ích khác của nhà đầu tư.
- * A. Đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư và khoản đầu tư của họ, “Đối xử công bằng và bình đẳng” đối với các nhà đầu tư và “bảo hộ đầy đủ” đối với các khoản đầu tư và các lợi ích khác của nhà đầu tư.

92. Theo Hiệp định ACIA, Bảo hộ đầu tư tập trung vào các nội dung nào ?

- D. Bồi thường trong trường hợp mất ổn định, Chuyển tiền, Tịch biên và bồi thường, Thế quyền, Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với Quốc Gia thành viên. Thu xếp vốn cho các khoản đầu tư của nhà đầu tư.
- A. Bồi thường trong trường hợp mất ổn định, Chuyển tiền, Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với Quốc Gia thành viên.
- B. Bồi thường trong trường hợp mất ổn định, Chuyển tiền, Tịch biên và bồi thường, Thế quyền.
- * C. Bồi thường trong trường hợp mất ổn định, Chuyển tiền, Tịch biên và bồi thường, Thế quyền, Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với Quốc Gia thành viên.

93. Theo Hiệp định ACIA, xúc tiến đầu tư tập trung vào các nội dung nào ?

- C. Ban hành các chính sách đầu tư, Bổ sung ngành nghề đầu tư và mạng lưới sản xuất; Phát triển SME và các công ty xuyên quốc gia.
- * A. Ban hành các chính sách đầu tư, Bổ sung ngành nghề đầu tư và mạng lưới sản xuất; Tổ chức và hỗ trợ tổ chức hội thảo, về cơ hội đầu tư, môi trường đầu tư, ưu đãi đầu tư; Phát triển SME và các công ty xuyên quốc gia.
- D. Ban hành các chính sách đầu tư, Bổ sung ngành nghề đầu tư và mạng lưới sản xuất; Tổ chức và hỗ trợ tổ chức hội thảo, về cơ hội đầu tư, môi trường đầu tư, ưu đãi đầu tư; Phát triển SME và các công ty xuyên quốc gia; Thu hẹp khoảng cách phát triển.
- B. Ban hành các chính sách đầu tư, Bổ sung ngành nghề đầu tư và mạng lưới sản xuất; Tổ chức và hỗ trợ tổ chức hội thảo, về cơ hội đầu tư, môi trường đầu tư, ưu đãi đầu tư.

94. Theo Hiệp định ACIA, Thuận lợi hóa đầu tư tập trung vào các nội dung nào ?

- * B. Tạo môi trường cần thiết cho tất cả các hình thức đầu tư; hợp lý hóa và đơn giản hóa các thủ tục cấp phép và phê duyệt đầu tư; tăng cường phổ biến các thông tin đầu tư, bao gồm các quy tắc, các quy định, chính sách và thủ tục đầu tư; thành lập các trung tâm đầu tư một cửa; tăng cường cơ sở dữ liệu;
- A. Tạo môi trường cần thiết cho tất cả các hình thức đầu tư; hợp lý hóa và đơn giản hóa các thủ tục cấp phép và phê duyệt đầu tư; tăng cường phổ biến các thông tin đầu tư, bao gồm các quy tắc, các quy định, chính sách và thủ tục đầu tư;
- C. Tạo môi trường cần thiết cho tất cả các hình thức đầu tư; hợp lý hóa và đơn giản hóa các thủ tục cấp phép và phê duyệt đầu tư; tăng cường phổ biến các thông tin đầu tư, bao gồm các quy tắc, các quy định, chính sách và thủ tục đầu tư; tăng cường cơ sở dữ liệu;
- D. Tạo môi trường cần thiết cho tất cả các hình thức đầu tư; hợp lý hóa và đơn giản hóa các thủ tục cấp phép và phê duyệt đầu tư; tăng cường phổ biến các thông tin đầu tư, bao gồm các quy tắc, các quy định, chính sách và thủ tục đầu tư; thành lập các trung tâm đầu tư một cửa; tăng cường cơ sở dữ liệu; Nâng cao năng lực hải quan.

95. Theo Luật Thương mại quốc tế, khu vực đầu tư ASEAN được hiểu là gì ?

- C. Khu vực đầu tư giữa các nước ASEAN, mà tại đó, các quốc gia thành viên tiến hành các hoạt động tự do hoá, xúc tiến và thuận lợi hoá đầu tư.
- * A. Khu vực đầu tư giữa các nước ASEAN, mà tại đó, các quốc gia thành viên tiến hành các hoạt động tự do hoá, bảo hộ, xúc tiến và thuận lợi hoá đầu tư.
- B. Khu vực đầu tư giữa các nước ASEAN, mà tại đó, các quốc gia thành viên tiến hành các hoạt động bảo hộ, xúc tiến và thuận lợi hoá đầu tư.
- D. Khu vực đầu tư giữa các nước ASEAN, mà tại đó, các quốc gia thành viên tiến hành các hoạt động tự do hoá, bảo hộ, xúc tiến đầu tư.

96. Theo Hiệp định ACIA, “đảm bảo sự công bằng và tăng cường an ninh” được hiểu là gì ?

- D. Việc bảo hộ và an ninh đầy đủ đòi hỏi mỗi nước thành viên phải có biện pháp hợp lý và cần thiết để đảm bảo việc bảo hộ và an ninh của các khoản đầu tư được điều chỉnh.
- C. Mỗi nước thành viên phải công minh trong tố tụng pháp lý hoặc hành chính phù hợp theo đúng quy trình;
- * B. Mỗi nước thành viên phải áp dụng đối với các khoản đầu tư được điều chỉnh của các nhà đầu tư của các nước thành viên khác chính sách đối xử công bằng với sự bảo hộ và an ninh đầy đủ.
- A. Mỗi nước thành viên không phải áp dụng đối với các khoản đầu tư được điều chỉnh của các nhà đầu tư của các nước thành viên khác chính sách đối xử công bằng với sự bảo hộ và an ninh đầy đủ.

97. Theo Hiệp định ACIA, “ngăn chặn sự tước quyền sở hữu bất hợp pháp” được hiểu là gì ?

- * A. Một nước thành viên không được sung công hoặc quốc hữu hóa một khoản đầu tư được điều chỉnh trực tiếp hoặc thông qua các biện pháp tương tự sung công hoặc quốc hữu hóa trừ trường hợp ngoại lệ theo ACIA.

- B. Một nước thành viên được sung công hoặc quốc hữu hóa một khoản đầu tư được điều chỉnh trực tiếp hoặc thông qua các biện pháp tương tự sung công hoặc quốc hữu hóa trừ trường hợp ngoại lệ theo ACIA.
- C. Một nước thành viên không được áp đặt các biện pháp sung công trong mọi trường hợp
- D. Một nước thành viên được áp đặt các biện pháp sung công trong mọi trường hợp

98. Theo Hiệp định ACIA, “xúc tiến quyền tự do nhập cảnh của nhân sự chủ chốt” được hiểu là gì ?

- C. Mỗi nước thành viên có trách nhiệm cấp phép nhập cảnh, tạm trú và cấp phép lao động cho các nhà đầu tư, quản lý và các thành viên của ban quản trị của một pháp nhân của nước thành viên .
- * B. Mỗi nước thành viên có trách nhiệm cấp phép nhập cảnh, tạm trú và cấp phép lao động cho các nhà đầu tư, quản lý và các thành viên của ban quản trị của một pháp nhân của nước thành viên khác với mục đích thành lập, phát triển, quản lý hoặc tư vấn về các hoạt động trong lãnh thổ của các nước mình.
- A. Mỗi nước thành viên có trách nhiệm cấp phép nhập cảnh, tạm trú và cấp phép lao động cho tất cả các nhà đầu tư.
- D. Hạn chế quyền nhập cảnh của nhà đầu tư, quản lý và các thành viên của ban quản trị của một pháp nhân của nước thành viên .

99. Theo Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP), “Đầu tư” được hiểu là gì ?

- A. Là tài sản di chuyển và cố định và các quyền tài sản khác như thế chấp hoặc cầm cố;
- * B. Là mọi tài sản do nhà đầu tư sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, có đặc điểm đầu tư.
- D. Là quyền sở hữu trí tuệ được trao theo quy định của pháp luật của mỗi nước thành viên;
- C. Là cổ phiếu, trái phiếu và các hình thức tham gia vào một pháp nhân và quyền hoặc lợi ích phát sinh từ việc tham gia đó;

100. Theo Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP), “Đầu tư” được hiểu là gì ?

- D. Là tài sản di chuyển và cố định và các quyền tài sản khác như thế chấp hoặc cầm cố;.
- C. Là cổ phiếu, trái phiếu và các hình thức tham gia vào một pháp nhân và quyền hoặc lợi ích phát sinh từ việc tham gia đó;
- A. Là quyền sở hữu trí tuệ được trao theo quy định của pháp luật của mỗi nước thành viên;
- * B. Là mọi loại tài sản mà nhà đầu tư sở hữu hoặc kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, và có các đặc điểm của một khoản đầu tư.